

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/DS-ST

Ngày: 03/01/2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh, ông Nguyễn Duy Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2019/TLST-DS, ngày 12 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Minh K; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

- *Bị đơn:* Bà Đặng Thị H; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Xuân T; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn bà Phan Thị Minh K trong quá trình điều tra và tại phiên tòa:* Do là chỗ quen biết nên trong năm 2018 bà có cho bà Đặng Thị H mượn tiền và cà phê, cụ thể như sau: Ngày 01/01/2018 vay 164.452.000 đồng, lãi suất các bên tự thỏa thuận, thời hạn trả nợ ngày 30/12/2018; Ngày 27/11/2018 vay 11.524 kg cà phê nhân xô, thời hạn trả

nợ ngày 30/12/2018; Ngày 03/12/2018 vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất tự thỏa thuận, thời hạn trả nợ ngày 13/12/2018.

Bản chất của khoản vay 11.524kg cà phê nhân xô là của khoản vay 550.000.000 đồng ngày 10/11/2018, do bà H xin chuyển thành cà phê để không phải chịu tiền lãi nên bà đã đồng ý chuyển số nợ 550.000.000 đồng thành 11.524kg cà phê nhân; Còn khoản vay 200.000.000 đồng là của khoản vay 300.000.000 đồng ngày 10/11/2018, đến ngày 03/12/2018 bà H đã trả được số tiền gốc là 100.000.000 đồng và 9.900.000 đồng tiền lãi nên các bên thỏa thuận lập lại giấy vay tiền 200.000.000 đồng, bà đồng ý khấu trừ số tiền 9.900.000 đồng vào số tiền gốc 200.000.000 đồng ngày 03/12/2018.

Ngày 21/12/2018 bà H đã trả được cho bà một lượng phân bón tương đương với số tiền 120.000.000 đồng, hiện bà H còn nợ lại số tiền 234.552.000 đồng (hai trăm ba mươi tư triệu năm trăm năm mươi hai nghìn đồng) và số cà phê nhân xô là 11.524 kg, đối với số nợ trên đã nhiều lần bà yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ thanh toán, tuy nhiên bà H vẫn trây ỳ không chịu thanh toán.

Do đó bà làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà 11.524 kg (mười một nghìn năm trăm hai mươi tư kilôgam) cà phê nhân xô và 234.552.000 đồng (hai trăm ba mươi tư triệu năm trăm năm mươi hai nghìn đồng) cùng lãi suất phát sinh đối với số tiền 234.552.000 đồng (hai trăm ba mươi tư triệu năm trăm năm mươi hai nghìn đồng) tính từ ngày 31/12/2018 cho đến ngày xét xử là 12 tháng 03 ngày, với mức lãi suất 1%/tháng với số tiền 28.772.000 đồng và cùng toàn bộ lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ.

- Theo lời khai và đơn trình bày của bị đơn bà Đặng Thị H trong quá trình điều tra vụ án: Trong năm 2018 bà có vay bà Phan Thị Minh K tổng số tiền 364.452.000 đồng và 11.524 kg cà phê nhân, từ khi vay bà đã thanh toán được cho bà K số tiền lãi 465.000.000 đồng và hiện đang gửi tại nhà bà K một lượng phân bón tương đương số tiền 120.000.000 đồng.

Đối với khoản vay trên bà vay để sử dụng vào mục đích riêng, chồng là Lê Xuân T không biết và có liên quan.

- Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Xuân T trong quá trình điều tra vụ án: Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Xuân T Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đương sự; Quyết định đối chất; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Lê Xuân T, tuy nhiên ông Tịnh cố tình trốn tránh không hợp tác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Minh K, buộc bà Đặng Thị H phải trả cho bà Phan Thị Minh K số tiền 234.552.000 đồng và lãi phát sinh 1%/tháng từ ngày 31/12/2018 đến ngày xét xử và 11.524 kg cà phê nhân, tiếp tục tính lãi suất theo quy định của pháp luật đối với khoản tiền chậm trả kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1], Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn bà Đặng Thị H có địa chỉ tại thôn H, xã T, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, Do đó Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn bà Đặng Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Xuân T sau khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng bà H, ông T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Mặt khác sự vắng mặt của bà H, ông T đã không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn, do đó Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Đặng Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Xuân T theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2], Về nội dung vụ án: Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 01/01/2018, giấy vay tiền ngày 27/11/2018, giấy vay tiền ngày 03/12/2018, giấy mua bán năm 2018, lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định: Trong năm 2018 bà Phan Thị Minh K và bà Đặng Thị H có phát sinh quan hệ vay tài sản với nhau, qua các lần vay mượn thì

bà H có nợ lại bà K 11.524 kg (mười một nghìn năm trăm hai mươi tư kilôgam) cà phê nhân xô và số tiền 364.452.000 đồng (ba trăm sáu mươi tư triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng). Quá trình vay mượn bà H đã trả cho bà K một lượng phân bón tương đương số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) và 9.900.000 đồng (chín triệu chín trăm nghìn đồng), tại biên bản lấy lời khai ngày 24/7/2019 bị đơn bà H thừa nhận có việc vay mượn trên, do đó Tòa án công nhận hợp đồng vay tài sản giữa bà Phan Thị Minh K và bà Đặng Thị H là có thật và hợp pháp.

Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; Khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.*

[3], Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

3.1. Về nợ gốc: Năm 2018 bà Phan Thị Minh K có cho bà Đặng Thị H vay 11.524kg (mười một nghìn năm trăm hai mươi tư kilôgam) cà phê nhân xô và số tiền 364.452.000 đồng (ba trăm sáu mươi tư triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng), quá trình vay mượn H đã trả được cho bà K một lượng phân bón tương đương số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) và số tiền 9.900.000 đồng (chín triệu chín trăm nghìn đồng), đến thời hạn thanh toán số nợ còn lại là 11.524 kg (mười một nghìn năm trăm hai mươi tư kilôgam) và 234.552.000 đồng (hai trăm ba mươi tư triệu năm trăm năm mươi hai nghìn đồng) bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho bà K là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, do đó việc bà Phan Thị Minh K có đơn khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà K số nợ trên là phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

3.2. Về lãi suất phát sinh đối với yêu cầu tính lãi kể từ ngày 31/12/2018 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất 1%/ tháng của bà Phan Thị Minh K đối với số tiền 234.552.000 đồng (hai trăm ba mươi tư triệu năm trăm năm mươi hai nghìn đồng) Hội đồng xét xử nhận định:

Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều thừa nhận thời hạn thanh toán nợ đối với giấy cho vay tiền ngày 01/01/2018 là ngày 30/12/2018 và thời hạn thanh toán đối với giấy cho vay tiền ngày 03/12/2018 là ngày 13/12/2018, do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về thời hạn thanh toán nợ.

Khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định:

“5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

- Về lãi suất trong hạn trên nợ gốc: Nguyên đơn bà Phan Thị Minh K không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

- Về lãi suất quá hạn trên nợ gốc: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Phan Thị Minh K chỉ yêu cầu bà Đặng Thị H phải trả số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn kể từ ngày 31/12/2018 cho đến khi thanh toán xong nghĩa vụ là có căn cứ cần chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi trên nợ gốc quá hạn, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình vay mượn thì giữa bà K và bà H không xác định rõ mức lãi suất khi cho vay và trong trường hợp có tranh chấp về lãi suất thì mức lãi suất trong hợp đồng được xác định là 10%/năm, như vậy lãi suất quá hạn được xác định bằng 150% lãi suất trong hạn bằng 15%/năm. Bà K yêu cầu tính lãi suất quá hạn bằng 1%/tháng (12%/năm) là thấp hơn mức lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Vì vậy cần buộc bà H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà K khoản tiền lãi trên nợ gốc quá hạn cho đến ngày xét xử 03/01/2020 là: $234.552.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 28.772.000 \text{ đồng}$ (hai mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Đối với yêu cầu của bị đơn bà H cho rằng đối với số nợ đã vay bà K thì bà H đã thanh toán được cho bà K số tiền lãi là 465.000.000 đồng (bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng), tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà H không đưa ra được những tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là hợp pháp và để phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn, nên bà H phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, tại các buổi đối chất, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bà H đều vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà H đưa ra.

Đối với số nợ bà Đặng Thị H vay bà Phan Thị Minh K thì chồng bà H là ông Lê Xuân T không ký vào giấy tờ vay mượn, trong các lần làm việc tại Tòa án bà H khai số tiền và cả phê vay bà K để sử dụng vào mục đích riêng, ông T không biết về khoản nợ trên, do đó không có căn cứ để buộc ông T phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng bà H.

Xét quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận là phù hợp.

[3], Về án phí DSST: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; biên bản xác minh giá cả phê tại thời điểm xét xử, bị đơn bà Đặng Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 33; Điều 35; Điều 39; Điều 92; Điều 94; Khoản 5 Điều 95; Điều 112; Điều 114; Điều 147; Điều 208; Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Minh K, buộc bà Đặng Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phan Thị Minh K 11.524 kg (mười một nghìn năm trăm hai mươi tư kilôgam) cà phê nhân xô và tổng số tiền tính đến ngày xét xử là 263.324.000 đồng (hai trăm sáu mươi ba triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 234.552.000 đồng (hai trăm ba mươi tư triệu năm trăm năm mươi hai nghìn đồng) và tiền lãi suất phát sinh là 28.772.000 đồng (hai mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền. Bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ biên bản xác minh giá cả phê tại thời điểm xét xử là 33.000 đồng/kg. Buộc bà Đặng Thị H phải chịu 29.744.640 đồng (hai mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm bốn mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Phan Thị Minh K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.410.000 đồng (mười bảy triệu bốn trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003589, ngày 12/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện M;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thị Mận